

XÂY DỰNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN QUỐC TẾ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Bùi Thị Minh Châu

Trường Đại học Y Dược Thái Bình
Email: minhchauydtb@gmail.com

Article history

Received: 05/12/2024

Accepted: 27/12/2024

Published: 05/02/2025

Keywords

International student, support services, quality assessment, higher education

ABSTRACT

In the context of globalized education, the trend of studying overseas has been gaining traction. To promote international integration, many universities in Vietnam have implemented support activities for international students to attract and improve their learning experiences. However, there is currently a lack of specialized assessment tools to measure the quality of these support services. The study develops a reliable and valid tool for assessing the quality of support activities for international students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, comprising 38 criteria divided into 5 groups. The toolkit would be useful for educational institutions to evaluate the effectiveness of their support activities and provide critical insights for designing appropriate policies to enhance the quality of education in the context of international integration.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh giáo dục toàn cầu hóa, việc sinh viên (SV) lựa chọn du học ngày càng trở nên phổ biến, góp phần mang lại giá trị trí tuệ, văn hóa và kinh tế cho các trường đại học trên toàn thế giới. Tuy nhiên, SV quốc tế thường phải đối mặt với nhiều thách thức khi học tập và sinh sống trong môi trường mới có thể kể đến như rào cản ngôn ngữ, sốc văn hóa, vấn đề an toàn, khó khăn về chỗ ở và áp lực tài chính. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các chương trình hỗ trợ hiệu quả tại trường học không chỉ giúp SV quốc tế vượt qua những khó khăn này mà còn cải thiện sự gắn kết và đồng cảm của họ với cộng đồng trường (Glass et al., 2014; Zhang & Goodson, 2011).

Tại Việt Nam, các trường đại học đã và đang đón nhận số lượng SV quốc tế ngày càng tăng. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hội nhập quốc tế trong giáo dục, khuyến khích hợp tác đào tạo, nghiên cứu và giao lưu văn hóa nhằm phát huy giá trị văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa quốc tế. Điều này đã thúc đẩy các trường đại học Việt Nam tăng cường chiến lược hợp tác quốc tế và coi đó là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy các nghiên cứu về SV quốc tế còn hạn chế, các nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ chủ yếu trên SV Việt Nam, các trường đại học chưa xây dựng bộ công cụ chuyên biệt để đánh giá chất lượng cho đối tượng này. Việc thiếu các công cụ đánh giá phù hợp có thể hạn chế khả năng xác định hiệu quả thực sự của các chính sách hỗ trợ, từ đó ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ và cải thiện trải nghiệm học tập của SV quốc tế.

Trong bối cảnh đó, bài báo tập trung vào việc xây dựng một công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ cho SV quốc tế, cụ thể là tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Mục tiêu của nghiên cứu là cung cấp cho các cơ sở giáo dục một phương tiện thuận tiện để thu thập thông tin, đánh giá thực trạng các hoạt động hỗ trợ, từ đó đề xuất các chính sách quản lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các phương diện của hoạt động hỗ trợ sinh viên quốc tế

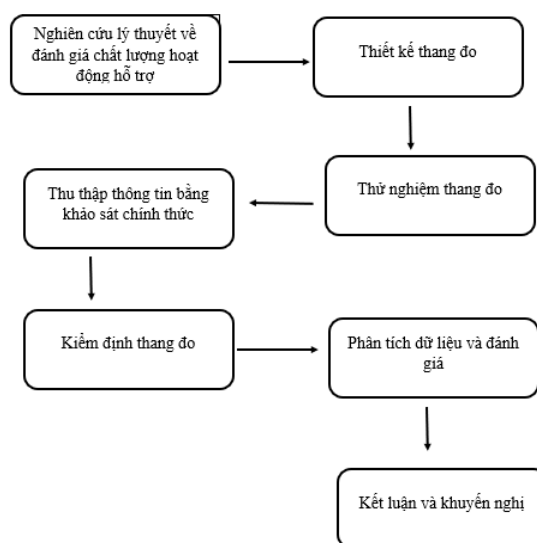
Theo các nghiên cứu của Morgan (2012), Prebble và cộng sự (2004) và European University Association (2005), hoạt động hỗ trợ SV quốc tế được phân chia thành hai nhóm chính là hỗ trợ học thuật và hỗ trợ phi học thuật. Hỗ trợ học thuật tập trung vào việc đáp ứng các nhu cầu liên quan trực tiếp đến học tập, bao gồm hỗ trợ từ giảng viên và nhân viên trong các vấn đề giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tư vấn học tập, hướng dẫn lựa chọn môn học, và tiếp cận tài liệu học tập. Ngoài ra, các hoạt động như hỗ trợ ngôn ngữ, tư vấn phương pháp học tập, và định hướng năm học đầu tiên cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập. Hỗ trợ phi học thuật tập trung vào các khía cạnh xã hội và cảm xúc nhằm giúp SV quốc tế hòa nhập vào môi trường mới. Điều này bao gồm hỗ trợ tâm

lí, dịch vụ chỗ ở, hỗ trợ tài chính, tư vấn pháp lí, và các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí. Sự hỗ trợ này cũng mở rộng đến việc đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần, cung cấp dịch vụ y tế, và tổ chức các hoạt động tạo môi trường sống an toàn, thân thiện.

Như vậy, hỗ trợ SV quốc tế bao gồm các yếu tố học thuật và phi học thuật, hướng đến việc đáp ứng toàn diện nhu cầu học tập, cảm xúc, và xã hội, từ đó tạo điều kiện cho SV hòa nhập và thành công trong môi trường đại học. Sự cân bằng giữa hỗ trợ học thuật và phi học thuật là yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng hỗ trợ SV.

2.2. Phương pháp xây dựng công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ sinh viên quốc tế

Dựa trên các nghiên cứu của Wilmer (2008), Ambrosio và cộng sự (2017), Martirosyan và cộng sự (2019), Worsley và cộng sự (2021), Adegboyega và cộng sự (2020) cùng với các hướng dẫn trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Bộ GD-ĐT, 2016; 2017), tác giả đề xuất và thực hiện thiết kế công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế tại trường đại học theo quy trình sau:



Sơ đồ 1. Sơ đồ quy trình thiết kế công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế

Sau khi phiếu khảo sát sơ bộ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế tại trường đại học được xây dựng, tác giả lấy ý kiến chuyên gia là giảng viên có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực đo lường và đánh giá trong giáo dục, cùng một số cán bộ có thâm niên công tác liên quan đến hoạt động hỗ trợ SV quốc tế để hiệu chỉnh nội dung trong bảng hỏi. Bảng hỏi được thử nghiệm trong một nhóm 10 SV quốc tế để rà soát lỗi diễn đạt sao cho phù hợp, đạt được mục đích giao tiếp, hiểu đúng nghĩa của từng câu trước khi đưa vào khảo sát chính thức. Kết quả, phiếu khảo sát đã được hoàn thiện bao gồm 6 nội dung và 41 biến quan sát: (1) Hỗ trợ tư vấn học tập và nghiên cứu khoa học (10 biến quan sát) nhằm đánh giá các hoạt động tư vấn giúp SV quốc tế cải thiện kĩ năng học tập và nghiên cứu; (2) Hỗ trợ hội nhập văn hóa (8 biến quan sát), tập trung vào các hoạt động giúp SV làm quen và thích nghi với môi trường văn hóa mới; (3) Hỗ trợ chuyên tiếp SV năm thứ nhất (7 biến quan sát) hướng tới việc hỗ trợ SV quốc tế trong giai đoạn đầu chuyên tiếp vào môi trường học tập tại trường; (4) Hỗ trợ lưu trú (6 biến quan sát), đánh giá các dịch vụ liên quan đến chỗ ở cho SV quốc tế; (5) Hỗ trợ tư vấn tài chính (5 biến quan sát), tập trung vào việc hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề tài chính trong quá trình học tập; (6) Hỗ trợ y tế (5 biến quan sát), nhằm đảm bảo SV quốc tế được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiệu quả.

Tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn theo thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không ý; (3) Phân vân; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý.

Việc nghiên cứu được tiến hành trên toàn bộ SV quốc tế từ năm thứ hai đến năm thứ sáu nhằm đảm bảo rằng các đối tượng tham gia khảo sát đã có đủ thời gian để trải nghiệm và đánh giá các hoạt động hỗ trợ mà nhà trường cung cấp. Với phương pháp chọn mẫu như trên, số lượng mẫu tham gia khảo sát đã thu được là 297 SV quốc tế (cụ thể 204 SV Lào và 93 SV Campuchia). Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích kết quả số liệu, các thang đo được xây dựng bằng kiểm định hệ số Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA. Thời gian thực hiện từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024 tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2.3. Kết quả chuẩn hóa thang đo phiếu khảo sát

2.3.1. Kiểm định độ tin cậy

Độ tin cậy của thang đo được đánh giá qua mức độ nhất quán của các biến quan sát, tức là các biến phải tương quan chặt chẽ và cùng giải thích một khái niệm. Hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng để đo lường điều này. Hệ số càng cao, các biến quan sát càng nhất quán. Theo Hair (2009), thang đo đạt độ tin cậy khi Cronbach's Alpha $\geq 0,7$, hệ số tương quan biến-tổng $\geq 0,3$ và Cronbach's Alpha $\geq 0,6$.

Bảng 1. Kết quả Cronbach's Alpha của thang đo của từng nhân tố

Kí hiệu	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Kí hiệu	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
1. Hỗ trợ/ tư vấn học tập và nghiên cứu khoa học, Cronbach's Alpha=0,911			2. Hỗ trợ ngôn ngữ và hội nhập văn hóa, Cronbach's Alpha=0,914		
HT1	0,652	0,904	HN1	0,789	0,897
HT2	0,750	0,898	HN2	0,735	0,902
HT3	0,706	0,901	HN3	0,758	0,900
HT4	0,731	0,899	HN4	0,651	0,909
HT5	0,632	0,905	HN5	0,641	0,909
HT6	0,717	0,900	HN6	0,716	0,904
HT7	0,580	0,909	HN7	0,741	0,902
HT8	0,670	0,903	HN8	0,721	0,903
HT9	0,704	0,901			
HT10	0,640	0,905			
3. Hỗ trợ chuyển tiếp SV năm nhất, Cronbach's Alpha=0,929			4. Hỗ trợ lưu trú, Cronbach's Alpha=0,867		
CT1	0,725	0,923	LT1	0,695	0,841
CT2	0,775	0,919	LT2	0,708	0,837
CT3	0,839	0,912	LT3	0,614	0,854
CT4	0,768	0,919	LT4	0,664	0,846
CT5	0,789	0,917	LT5	0,649	0,848
CT6	0,768	0,919	LT6	0,668	0,844
CT7	0,764	0,920			
5. Hỗ trợ về tài chính, Cronbach's Alpha=0,871			6. Hỗ trợ y tế, Cronbach's Alpha=0,909		
TC1	0,720	0,838	YT1	0,738	0,896
TC2	0,710	0,841	YT2	0,737	0,896
TC3	0,586	0,882	YT3	0,813	0,880
TC4	0,760	0,829	YT4	0,802	0,883
TC5	0,762	0,829	YT5	0,766	0,890

Bảng 1 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của 6 nhóm nhân tố đều đảm bảo độ tin cậy cao (hệ số Cronbach's Alpha từ 0,867 trở lên), tất cả các biến quan sát có tương quan biến tổng đều đảm bảo lớn hơn 0,3. Vì vậy, các biến này phù hợp để sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo.

2.3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) là phương pháp phổ biến trong nghiên cứu xây dựng thang đo, giúp xác định mối liên hệ giữa các biến và nhóm biến liên quan, hỗ trợ xây dựng thang đo đáng tin cậy. Các tiêu chí chính trong EFA gồm: KMO để đánh giá sự phù hợp của EFA, với $KMO \geq 0,5$ là đạt yêu cầu; kiểm định Bartlett có $Sig < 0,05$ thì các biến có tương quan và phù hợp với EFA; hệ số tải nhân tố thể hiện tương quan giữa biến quan sát và nhân tố từ 0,3-0,4 là tối thiểu, $\geq 0,5$ là tối ưu; chỉ số Eigenvalue của các nhân tố ≥ 1 và tổng phương sai trích $\geq 50\%$ cho thấy mô hình là phù hợp (Hair, 2009).

Trong quá trình tiến hành phân tích nhân tố EFA với 41 biến quan sát với hệ số tải là 0,4 thì có 3 biến là TC2, HN5 và HN8 là các biến không phù hợp bị loại bỏ. Kết quả chạy EFA lần 3 được như sau:

Bảng 2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

STT	Kí hiệu	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
1	CT1	0,888				
2	CT3	0,832				
3	HN2	0,831				
4	CT4	0,801				

5	CT2	0,753				
6	HN3	0,747				
7	CT7	0,727				
8	HN1	0,725				
9	CT6	0,712				
10	CT5	0,644				
11	HN6	0,558				
12	HN4	0,481				
13	HN7	0,433				
14	HT3		0,897			
15	HT2		0,809			
16	HT4		0,798			
17	HT9		0,716			
18	HT1		0,710			
19	HT6		0,705			
20	HT5		0,645			
21	HT10		0,612			
22	HT7		0,586			
23	HT8		0,518			
24	YT2			0,929		
25	YT4			0,839		
26	YT3			0,809		
27	YT5			0,745		
28	YT1			0,603		
29	LT3				0,753	
30	LT4				0,752	
31	LT6				0,735	
32	LT2				0,613	
33	LT5				0,601	
34	LT1				0,580	
35	TC3				0,752	
36	TC4				0,727	
37	TC5				0,675	
38	TC1				0,649	
Eigenvalues		17,870	2,287	1,763	1,323	1,181
Phương sai trích (%)		47,027	53,047	57,686	61,169	64,276
Hệ số KMO				0,949		
Kiểm định Bartlett's				0,000		

Kết quả từ lần xoay ma trận thứ ba cho thấy, sáu nhân tố ban đầu đã được nhóm lại thành năm nhân tố mới. Nhóm năm nhân tố này giải thích được hơn 64,276% sự biến thiên trong dữ liệu. Tất cả 38 biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố vượt quá 0,4 cho thấy chúng có mức độ tương quan mạnh mẽ và phù hợp để giữ lại trong mô hình. Điều này khẳng định rằng năm nhân tố cùng 38 biến quan sát đã được xây dựng một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu về tính xác thực và có thể được sử dụng hiệu quả để đo lường chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV quốc tế.

Bộ công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế được đặt tên lại nhân tố, mã hóa lại tên biến quan sát được kết quả như sau:

Bảng 3. Bộ công cụ đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ LHS hoàn thiện

TT	Mã hóa	Mô tả
I. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ về học tập và nghiên cứu khoa học		
1.1	HT1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung của từng môn học/học phần được giới thiệu đầy đủ cho SV
1.2	HT2	Kế hoạch học tập cho từng môn học/học phần được Nhà trường hướng dẫn rõ ràng cho SV
1.3	HT3	SV được Nhà trường tư vấn đầy đủ về phương pháp học tập
1.4	HT4	SV được Nhà trường tư vấn đầy đủ về phương pháp nghiên cứu khoa học
1.5	HT5	Các nguồn tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học được cung cấp đầy đủ cho SV
1.6	HT6	Phương pháp kiểm tra, đánh giá môn học/học phần được mô tả chi tiết và hướng dẫn đầy đủ cho SV
1.7	HT7	Kết quả kiểm tra, đánh giá được cung cấp cho SV để kịp thời đăng kí, điều chỉnh kế hoạch học tập
1.8	HT8	Giảng viên luôn sẵn sàng trợ giúp SV trong quá trình học tập và nghiên cứu

1.9	HT9	GV chủ nhiệm luôn sẵn sàng tư vấn, trợ giúp SV trong quá trình học tập
1.10	HT10	Các phản hồi về vấn đề học tập của SV được giải quyết kịp thời
II. Hỗ trợ hội nhập		
2.1	HN1	Quy trình nhập học được thông báo rõ ràng, dễ truy cập
2.2	HN2	SV được hỗ trợ thủ tục nhập học nhanh chóng và hiệu quả
2.3	HN3	Các thông tin nội quy về học tập và sinh hoạt được cung cấp đầy đủ và rõ ràng
2.4	HN4	Hệ thống hoạt động và các dịch vụ của nhà trường được giới thiệu chi tiết
2.5	HN5	Các thông tin về ngành học và chương trình đào tạo được cung cấp đầy đủ và chi tiết
2.6	HN6	Các thắc mắc về thủ tục hành chính, chương trình học hay các dịch vụ liên quan được giải thích rõ ràng
2.7	HN7	Hoạt động hướng dẫn và làm quen với môi trường học tập và sinh hoạt tại trường của SV năm thứ nhất được tổ chức thiết thực và bổ ích
2.8	HN8	Các hoạt động giao lưu văn hóa trong nhà trường được tổ chức phong phú và quảng bá rộng rãi
2.9	HN9	SV được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và tổ chức để kết bạn và tham gia các hoạt động xã hội
2.10	HN10	Các hoạt động giao lưu văn hóa, hoạt động ngoại khóa đáp ứng được nhu cầu hội nhập văn hóa của SV
2.11	HN11	Các học phần ngôn ngữ của Nhà trường đáp ứng được nhu cầu của SV
2.12	HN12	Giảng viên thấu hiểu, sẵn sàng giải đáp các thắc mắc SV liên quan đến chuyên ngành
2.13	HN13	SV được tôn trọng sự khác biệt và đa dạng văn hóa
III. Hỗ trợ lưu trú		
3.1	LT1	Các thông tin và hướng dẫn sinh hoạt trong kí túc xá được cung cấp đầy đủ và chi tiết
3.2	LT2	Kí túc xá được cung cấp đầy đủ tiện nghi và môi trường sống thoải mái
3.3	LT3	An ninh trong khu vực kí túc xá được đảm bảo chặt chẽ
3.4	LT4	Căn tin trong kí túc xá đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
3.5	LT5	Môi trường sống, cảnh quan sạch sẽ, trong lành
3.6	LT6	Các phản hồi của SV về sửa chữa, bảo trì và hỗ trợ kĩ thuật trong kí túc xá được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả
IV. Hỗ trợ tài chính		
4.1	TC1	Các nguồn học bổng, thông tin học phí, chi phí cho SV được giới thiệu đầy đủ
4.2	TC2	Học bổng được cung cấp đúng hạn
4.3	TC3	Nhân viên luôn sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn và giải quyết các vấn đề liên quan đến học phí
4.4	TC4	Các hỗ trợ về tài chính mà nhà trường cung cấp đáp ứng được nhu cầu của SV
V. Dịch vụ y tế		
5.1	YT1	Các thông tin về dịch vụ y tế nhà trường được cung cấp được giới thiệu đầy đủ
5.2	YT 2	SV được tư vấn và hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế
5.3	YT 3	Cơ sở y tế của trường đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của SV
5.4	YT 4	Nhân viên y tế có trình độ chuyên môn cao
5.5	YT5	Nhân viên y tế luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn sức khỏe cho SV

2.4. Bàn luận

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng các công trình công bố liên quan đến việc phát triển và xây dựng bộ công cụ chi tiết nhằm đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV quốc tế tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Dựa trên tổng quan tài liệu và phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, tác giả đã xây dựng bộ câu hỏi ban đầu gồm 6 nội dung và 41 biến quan sát, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ thiết thực nhất dành cho SV quốc tế tại cơ sở giáo dục. Để đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận đến đối tượng phỏng vấn và đảm bảo tính logic, khoa học, tác giả đã lấy ý kiến chuyên gia và một nhóm 10 SV quốc tế để hoàn thiện các nội dung của bảng hỏi.

Bộ câu hỏi đã được triển khai trong khảo sát chính thức với sự tham gia của 297 SV quốc tế tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, từ năm thứ hai đến năm thứ sáu. Trong quá trình phân tích kết quả nghiên cứu, tác giả thực hiện các bước kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) để đảm bảo sự phù hợp và độ chính xác của thang đo. Kết quả kiểm định cho thấy các nhân tố đo lường đều đạt độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha từ 0,867 đến 0,929, trong khi các biến quan sát đều có tương quan biến tổng lớn hơn 0,3.

Phân tích nhân tố khám phá EFA, với hệ số tải 0.4 chỉ ra rằng công cụ đánh giá đạt độ hội tụ cao khi các biến quan sát được nhóm lại thành 5 nhân tố mới và có 03 biến quan sát không phù hợp bị loại bỏ. Năm nhân tố cuối cùng trong mô hình đã giải thích được cho 64,276% phương sai của nghiên cứu. Kết quả cho thấy, bộ câu hỏi sau khi được hiệu chỉnh, bao gồm 5 nhân tố và 38 biến quan sát, là công cụ đánh giá hợp lệ và có độ tin cậy cao, phù hợp để đo lường chất lượng các hoạt động hỗ trợ dành cho SV quốc tế tại cơ sở giáo dục. Bộ công cụ không chỉ đảm bảo độ tin cậy và giá trị mà còn cung cấp một nền tảng khoa học để đánh giá khách quan và cải tiến các hoạt động hỗ trợ SV quốc tế. Sử dụng bộ công cụ đánh giá, nhà trường có thể thu thập dữ liệu một cách có hệ thống và áp dụng vào việc

cải thiện chất lượng dịch vụ. Cơ chế phản hồi định kỳ từ SV quốc tế cần được triển khai nhằm đảm bảo rằng các dịch vụ hỗ trợ được cải tiến kịp thời, đáp ứng nhu cầu thực tế. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng SV quốc tế đến từ các quốc gia khác nhau có nhu cầu và khó khăn riêng biệt. Do đó, cần xây dựng các chương trình hỗ trợ phù hợp, chẳng hạn như các lớp ngôn ngữ, hoạt động giao lưu văn hóa, và các chương trình định hướng năm học đầu tiên để hỗ trợ SV hòa nhập nhanh chóng hơn. Qua đó, nhà trường có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn, nâng cao trải nghiệm học tập và sinh hoạt của SV, đóng góp vào việc nâng cao uy tín và sức hút của các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3. Kết luận

Đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV quốc tế là nhiệm vụ quan trọng của cơ sở giáo dục, nhằm đảm bảo các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của SV và tạo môi trường học tập tích cực. Vì vậy, việc xây dựng bộ công cụ đánh giá hiệu quả là cần thiết. Nghiên cứu đã xây dựng được bộ công cụ đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV quốc tế tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình đảm bảo độ tin cậy và giá trị. Bộ công cụ là cơ sở khoa học để đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, hỗ trợ nhà trường triển khai đánh giá một cách khách quan, khoa học, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp góp phần nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục. Đồng thời, bộ công cụ cũng là nguồn tư liệu tham khảo hữu ích cho cơ sở giáo dục đại học trong việc đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ SV quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển và hội nhập trong lĩnh vực giáo dục toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Adegboyega, A., Nkwonta, C., & Edward, J. (2020). Health Insurance Literacy Among International College Students: A Qualitative Analysis. *Journal of International Students*, 10(1), 50-68. <https://doi.org/10.32674/jis.v10i1.1097>
- Ambrósio, S., Marques, J. F., Santos, L., & Doutor, C. (2017). Higher Education Institutions and International Students' Hindrances: A Case of Students From the African Portuguese-Speaking Countries at Two European Portuguese Universities. *Journal of International Students*, 7(2), 367-394.
- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.*
- European University Association (2005). *Developing an internal quality culture in European universities.* <https://www.eua.eu/publications/reports/developing-an-internal-quality-culture-in-european-universities.html>
- Glass, C. R., Gomez, E., & Urzua, A. (2014). Recreation, intercultural friendship, and international students' adaptation to college by region of origin. *International Journal of Intercultural Relations*, 42, 104-117. <https://doi.org/10.1016/j.ijintrel.2014.05.007>
- Hair, J. (2009). *Multivariate data analysis.* Exploratory factor analysis.
- Martirosyan, N. M., Bustamante, R. M., & Saxon, D. P. (2019). Academic and social support services for international students: Current practices. *Journal of International Students*, 9(1), 172-191.
- Morgan, M. (2012). The evolution of student services in the UK. *Perspectives: Policy and Practice in Higher Education*, 16(3), 77-84. <https://doi.org/10.1080/13603108.2011.652990>
- Morgan, M. S. (2012). *The world in the model: How economists work and think.* Cambridge University Press.
- Prebble, T., Hargraves, H., Leach, L., Naidoo, K., Suddaby, G., & Zepke, N. (2004). *Impact of student support services and academic development programmes on student outcomes in undergraduate tertiary study: A synthesis of the research: Report to the Ministry of Education.* Wellington: Ministry of Education.
- Wilmer, E. (2008). Student Support Services for the Underprepared Student. *Inquiry*, 13(1), 5-19.
- Worsley, J. D., Harrison, P., & Corcoran, R. (2021). The role of accommodation environments in student mental health and wellbeing. *BMC Public Health*, 21, 1-15.
- Zhang, J., & Goodson, P. (2011). Predictors of international students' psychosocial adjustment to life in the United States: A systematic review. *International Journal of Intercultural Relations*, 35, 139-162. <https://doi.org/10.1016/j.ijintrel.2010.11.011>